

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ B
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **171/2022/HS- ST**

Ngày: 14/6/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà **Trần Thị Tố Loan.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Văn Sơn.**

Ông Lê Anh Tuấn.

- Thư ký phiên toà: Bà **Phạm Thị Châm** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Mai** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 149/2022/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2022/QĐXXST- HS ngày 04 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2022/HSST- QĐ ngày 17/5/2022 đối với Bị cáo:

Họ và tên: **Quàng Văn B**; Tên gọi khác: Không; sinh năm: 1996, tại Điện Biên; Nơi cư trú: Bản M, xã T L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Quàng Văn H; sinh năm 1974 (hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên); Con bà: Lò Thị P; sinh năm 1977 (hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Thanh Xuân, thành phố Hà Nội); Vợ con chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 26/4/2016 Bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở giáo dục số: 21/QĐ-TA thời hạn 20 tháng tại Cơ sở giáo dục Thanh Hà, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc. Ngày 26/11/2017 chấp hành xong trở về địa phương; Ngày 08/5/2018 Bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Đ B P, tỉnh Điện Biên ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở giáo dục số: 09/QĐ-TA thời hạn 24 tháng tại Cơ sở giáo dục Thanh Hà, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc, đến ngày 25/5/2018 Cơ sở giáo dục Thanh Hà ra QĐ tạm đình chỉ chấp hành QĐ đưa vào CSGD số: 02, lý do phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử. Ngày 15/8/2018 Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xử phạt Quàng Văn B 06 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, tại bản án số 187/2018/HSST. Ngày 25/11/2018 Bị cáo chấp hành xong trở về địa phương sinh sống. Bị cáo đã được xóa án tích đối với bản án trên. Đến nay

được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, nhưng Bị cáo có nhân thân xấu.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/01/2022, sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử (*có mặt tại phiên tòa*).

* *Bị hại gồm:* Chị Chang Thị Công T ; sinh năm 1999 và anh Nguyễn Trung H; sinh năm 1993; Cùng địa chỉ: Thôn T B A, xã T L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên (*vắng mặt có lý do*).

- *Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Trung H:* Chị Chang Thị Công T ; Địa chỉ: Thôn T B A, xã T L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên (*vắng mặt có lý do*).

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chị Lò Thị H1; sinh năm: 1984; Địa chỉ: Bản X, xã T A, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên (*vắng mặt có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 03/01/2022 Quảng Văn B đi bộ một mình men theo bờ nương gần khu vực cánh đồng lúa thuộc thôn T B A, xã T L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên đến khu vực sau nhà chị Chang Thị Công T , sinh năm 1999, trú cùng thôn thì thấy nhà chị T , anh H tắt điện, không có ai ở nhà nên Bị cáo đã nảy sinh ý định vào nhà chị T để trộm cắp tài sản với mục đích mang bán lấy tiền mua ma túy sử dụng và chi tiêu cá nhân. Bị cáo lấy một chiếc thang ở bờ ruộng đặt lên tường bao trèo vào bên trong khu vực sau nhà chị T . Khi vào bên trong, Bị cáo nhìn thấy nhà vệ sinh có một khe nhỏ hình chữ nhật có kích thước khoảng (0,6 x 0,25) m nên dùng thang để chui qua khe hở vào bên trong nhà. Khi vào trong nhà, Bị cáo lấy 01 máy ép tóc nhãn hiệu Nova 220V 50Hz 35W màu hồng đen ở nền nhà tại phòng ngủ giáp nhà bếp; số tiền 2.000.000 đồng (gồm 04 tờ 500.000 đồng) cùng 01 chiếc nhẫn đeo tay loại vàng ta trọng lượng 01 chỉ ở ngăn trên cùng bên trái của tủ nhựa đựng quần áo và 01 máy sấy tóc nhãn hiệu Panasonic 2400W ở nền nhà tại phòng ngủ giáp phòng khách; 02 nhẫn đeo tay loại vàng tây, trọng lượng 1,2 chỉ ở trong ngăn thứ hai của tủ nhựa màu xanh và 01 dây sữa Mộc Châu loại nhỏ trên bàn uống nước trong phòng khách. Sau khi lấy được tài sản, Bị cáo cho tiền và vàng vào túi áo khoác màu đen đang mặc còn máy sấy tóc và máy ép tóc cùng dây sữa Mộc Châu B cầm ở tay trái mở cửa ngách trèo tường bằng thang ra ngoài. Bị cáo vớt chiếc thang xuống nương nước rồi đi thẳng xuống bản X, xã T A, huyện Đ B để mua ma túy sử dụng. Tại đây, Bị cáo dùng số tiền 2.000.000 đồng vừa trộm cắp được mua ma túy của một người đàn ông không biết tên, tuổi địa chỉ và sử dụng hết. Khoảng 09 giờ ngày 04/01/2022 tại đường thuộc bản X, xã T A, huyện Đ B, Bị cáo bán 02 chiếc nhẫn vàng tây và 01 chiếc nhẫn vàng ta cho một người đàn ông tên Cương (không rõ họ, địa chỉ) được số tiền 2.400.000 đồng. Đến khoảng 16 giờ ngày 05/01/2022 Biên tiếp tục mang 01 máy sấy tóc và 01 máy ép tóc bán cho chị Lò Thị H (sinh năm 1984, trú tại: Bản X, xã T A, huyện Đ B) được số tiền 100.000 đồng. Số tiền bán tài sản trộm cắp Biên đã mua ma túy và chi tiêu cá nhân hết. Ngày 24/01/2022 Công an huyện Đ B triệu tập Bị cáo lên làm việc và Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 05/KL- ĐGTS ngày 25/01/2022, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ B, kết luận: 02 nhẫn đeo tay, loại vàng Tây, trọng lượng 1,2 chỉ có giá 2.750.000 đồng; 01 nhẫn đeo tay, loại vàng Ta, trọng lượng 01 chỉ có giá 5.420.000 đồng; 01 máy sấy tóc loại PANASONIC 2400W mua với giá 150.000 đồng, đã cũ đã qua sử dụng khấu hao 50% còn lại 50% giá trị so với giá trị mua mới là 75.000 đồng; 01 máy ép tóc loại NOVA 220V- 50Hz 35W mua với giá 200.000 đồng, đã cũ đã qua sử dụng khấu hao 50% còn lại 50% giá trị so với giá trị mua mới là 100.000 đồng; 01 dây sữa Mộc Châu loại nhỏ (04 hộp) trị giá 16.000 đồng. Tổng 05 khoản mà bị cáo Quàng Văn B trộm cắp có trị giá là: **8.361.000 đồng** (*Tám triệu ba trăm sáu mươi một nghìn đồng*).

Tổng cộng tài sản mà Quàng Văn B trộm cắp được vào ngày 03/01/2022 (gồm 05 khoản đã được định giá là: 8.361.000 đồng và 2.000.000 đồng tiền mặt) là: **10.361.000 đồng** (*Mười triệu ba trăm sáu mươi một nghìn đồng*).

Trong quá trình điều tra Bị hại không có ý kiến hay không nại gì về kết luận của Hội đồng định giá và tại phiên tòa hôm nay Bị cáo cũng không có ý kiến hay không nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 68/CT-VKSDB ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ B truy tố bị cáo Quàng Văn B về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173/BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo: Từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với Bị cáo.

Về vật chứng vụ án gồm: 01 máy sấy tóc loại PANASONIC 2400W màu vàng, đen 01 máy ép tóc loại NOVA 220V- 50Hz 35W màu hồng, đen, máy cũ, đã qua sử dụng. Ngày 27/01/2022 Cơ quan điều tra Công an huyện Đ B đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Chang Thị Công T theo Quyết định xử lý vật chứng số 06. Đề nghị HĐXX không xem xét.

Đối với 01 chiếc nhẫn vàng ta trọng lượng 01 chỉ; 02 chiếc nhẫn vàng tây trọng lượng 1,2 chỉ; 2.000.000 đồng tiền Việt Nam đồng; 01 dây sữa đều không thu hồi được.

Tại Cơ quan điều tra chị T yêu cầu Bị cáo phải bồi thường là: 10.170.000 đồng và bị cáo Quàng Văn B cũng đã đồng ý bồi thường số tiền trên cho gia đình Bị hại, ngoài ra không có ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lò Thị H về trách nhiệm dân sự không yêu cầu Bị cáo bồi thường, nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, điểm f khoản 1 Điều 23; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải

chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Lời nói sau cùng của Bị cáo trước khi HĐXX vào nghị án. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của Bị cáo:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Quảng Văn B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của Bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra cũng như lời khai của Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cũng như phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Kết luận định giá tài sản, có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 19 giờ ngày 03/01/2022, tại thôn T B A, xã T L, huyện Đ B, Quảng Văn B đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của gia đình chị Chang Thị Công T, tổng giá trị tài sản là: 10.361.000 đồng, mục đích đem bán lấy tiền chi tiêu cá nhân và mua ma túy sử dụng. Hành vi nêu trên của Bị cáo có đủ các yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, khẳng định Viện kiểm sát truy tố Bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không bị oan sai.

[2] Về tính chất của vụ án: Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng, Bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản có giá trị là 10.361.000 đồng. Hành vi của Bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự trị an trên địa bàn huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, gây hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân. Chính vì vậy Bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với Bị cáo để giáo dục Bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Bị cáo:

- *Về nhân thân:* Bị cáo sinh ra và lớn lên tại Bản M, xã T L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên được gia đình nuôi dưỡng học hết lớp 09/12, nghỉ học ở nhà lao động sản xuất cùng gia đình.

Ngày 26/4/2016 Bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở giáo dục số: 21/QĐ-TA thời hạn 20 tháng tại Cơ sở giáo dục Thanh Hà, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc. Ngày 26/11/2017 chấp hành xong trở về địa phương; Ngày 08/5/2018 Bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Đ B P, tỉnh Điện Biên ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở giáo dục số: 09/QĐ-TA thời hạn 24 tháng tại Cơ sở giáo dục Thanh Hà, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc, đến ngày 25/5/2018 Cơ sở giáo dục Thanh Hà ra QĐ tạm đình chỉ chấp hành QĐ đưa vào CSGD số: 02, lý do phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử. Ngày 15/8/2018 Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xử phạt Quảng Văn B 06 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, tại bản án số 187/2018/HSST. Ngày 25/11/2018 Bị cáo chấp hành xong trở về địa phương sinh sống. Bị cáo đã được xóa án tích đối với bản án trên. Đến nay được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, nhưng Bị cáo có nhân thân xấu.

- *Tình tiết tăng nặng:* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- *Tình tiết giảm nhẹ:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Việc đề nghị áp dụng hình phạt của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đối với Bị cáo HĐXX sẽ xem xét.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của Bị cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp của Bị cáo không có, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng có giá trị. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án và trách nhiệm dân sự:

- Về vật chứng vụ án thu được gồm: 01 máy sấy tóc loại PANASONIC 2400W màu vàng, đen; 01 máy ép tóc loại NOVA 220V- 50Hz 35W màu hồng, đen, máy cũ, đã qua sử dụng. Ngày 27/01/2022 Cơ quan điều tra Công an huyện Đ B ra Quyết định xử lý vật chứng số 06, đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Chang Thị Công T. Xét thấy việc trả lại tài sản là có căn cứ, do vậy HĐXX cần chấp nhận.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Chang Thị Công T đồng thời là Người đại diện theo ủy quyền của Bị hại anh Nguyễn Trung H vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại Cơ quan điều tra chị T yêu cầu Bị cáo phải bồi thường số tiền 10.170.000 đồng. HĐXX thấy rằng việc Bị hại yêu cầu bồi thường và Bị cáo đồng ý. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên tại Cơ quan điều tra. Vì vậy HĐXX cần chấp nhận.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lò Thị H xin xét xử vắng mặt về trách nhiệm dân sự không yêu cầu Bị cáo bồi thường nên HĐXX không xem xét.

Xét đề nghị của chị T, chị H là có căn cứ, do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[6] Về các vấn đề khác:

Đối với chị Lò Thị H người đã mua lại của Bị cáo 01 máy sấy tóc và 01 máy ép tóc mà Bị cáo đã chiếm đoạt của gia đình chị Chang Thị Công T. Do chị H không biết đó là tài sản Bị cáo đã trộm cắp mà có nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ B không đặt vấn đề xử lý. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người đàn ông tên C đã mua của Bị cáo 02 chiếc nhẫn vàng tây và 01 chiếc nhẫn vàng ta. Qua điều tra xác minh tại bản X, xã T A, huyện Đ B không có người nào tên là C theo mô tả của Bị cáo. Cơ quan Điều tra không có đủ cơ sở để điều tra làm rõ. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người đàn ông Bị cáo khai ở bản X, xã T A, huyện Đ B đã bán ma túy cho Bị cáo, do Bị cáo không rõ tên, tuổi, địa chỉ của người đàn ông trên ở đâu, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ B không có cơ sở xử lý. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Bị cáo, do Bị cáo tự khai, không thu giữ được vật chứng, ngoài ra không có tài liệu khác chứng minh cho việc Bị cáo đã mua ma túy và sử dụng, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ B chưa đủ căn cứ xử lý. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

[7.1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Cơ quan truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tại phiên tòa Bị cáo không có ý kiến hoặc KH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[7.2] Về sự vắng mặt của Bị hại chị Chang Thị Công T đồng thời là Người đại diện theo ủy quyền của Bị hại anh Nguyễn Trung H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lò Thị H. Xét thấy Bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong quá trình điều tra Bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án. Nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt Bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 buộc Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại cơ quan điều tra Bị hại yêu cầu Bị cáo phải bồi thường số tiền 10.170.000 đồng, Bị cáo đồng ý bồi thường và không có ý kiến gì. Căn cứ vào điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Tuyên bố: Bị cáo Quảng Văn B phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt Bị cáo: **01 năm 06 tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (26/01/2022).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với Bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc Bị cáo phải bồi thường cho Bị hại chị Chang Thị Công T và anh Nguyễn Trung H số tiền 10.170.000 đồng (*Mười triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án, thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Chấp nhận đề nghị của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về trách nhiệm dân sự đối với Bị cáo.

3. Về vật chứng vụ án: Chấp nhận biên bản trả lại tài sản của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ B, tỉnh Điện Biên cho chủ sở hữu là chị Chang Thị Công T .

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21 và điểm a, điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15

ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại.
- Người CQLNVLQ;
- Nhà tạm giữ CAHĐB;
- VKSND H. Đ B;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- CQCSĐT CAHĐB;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS HĐB;
- Toà án ND tỉnh Điện Biên;
- Bộ phận HSNV C.an HĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Sở tư pháp;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Trần Thị Tố Loan